

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2021
V/v tranh chấp xác định con cho cha

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Phạm Thị Bẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 509/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp xác định con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Tuấn A; nơi cư trú: Số 6/32/26 đường A, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H; nơi ĐKKHTT: Số 3/4/40/191 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 6/32/26 đường A, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Đức N; nơi cư trú: Số 3/4/40/191 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2020 và bản tự khai nguyên đơn anh Lê Tuấn A trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Bùi Đức N, sinh 1981; nơi cư trú: Số 3/4/40/191 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng trước đây quan hệ là vợ chồng và có 01 con chung là Bùi Đức M, sinh ngày 05/5/2006. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nên từ năm 2010 chị H và anh N đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, chị quan hệ tình cảm và có con chung với anh Lê Tuấn A.

Tại Bản án số 20/2015/HNGĐ-ST ngày 01/7/2015 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã quyết định cho chị H được ly hôn với anh Nghĩa.

Ngày 03/10/2012, chị H sinh một con trai đặt tên là Bùi Trần Quang M, theo giấy chứng sinh số 99/2016 do Ủy ban nhân dân phường Gia Viên cấp ngày 04/8/2016 thể hiện tên cha đẻ là anh Bùi Đức N. Ngày 10/5/2016 anh Tuấn A và chị H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Anh Lê Tuấn A và cháu Bùi Trần Quang M đã xét nghiệm huyết thống ADN. Tại Phiếu xét nghiệm ADN số KQ 20190619 ngày 18/11/2019, Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật G kết luận: “*Người có mẫu ghi tên Lê Tuấn A CÓ quan hệ huyết thống Cha – Con với người có mẫu ghi tên Bùi Trần Quang M*”.

Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho con, anh Lê Tuấn Anh đề nghị Tòa án xác định con Bùi Trần Quang M, sinh ngày 03/10/2012 do chị Trần Thị H sinh là con đẻ của anh Lê Tuấn A.

* Tại bản tự khai ghi ngày 23/12/2020, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H xác nhận trước đây chị Hoa và anh Bùi Đức N là vợ chồng và có 01 con chung là Bùi Đức M1, sinh ngày 05/5/2006, do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2010 chị H và anh N đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân chị và anh Lê Tuấn A có quan hệ tình cảm và chị có thai. Ngày 01/7/2015, chị H và anh N đã giải quyết ly hôn tại Bản án số 20/2015/ HNGĐ-ST ngày 01/7/2015 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi ly hôn với anh N, chị H và anh Tuấn A chuyển về sống chung với nhau và ngày 10/5/2016 anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ngày 03/10/2012, chị H sinh một con trai đặt tên là Bùi Trần Quang M, trong Giấy khai sinh của cháu M, ghi tên cha đẻ là anh Bùi Đức N

Tại Kết quả xét nghiệm ADN số: KQ20190619 ngày 18/11/2019 của Công ty TNHH dịch vụ khoa học kỹ thuật G đã kết luận: Anh Lê Tuấn A có quan hệ

huyết thống cha - con với cháu Bùi Trần Quang M. Vì vậy, chị Hoa đề nghị Tòa án xác định cháu Bùi Trần Quang M, sinh ngày 03/10/2012 là con đẻ của anh Lê Tuấn A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Bùi Đức N đến trụ sở Tòa án để viết bản tự khai, tiến hành kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do.

Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình, kết quả đã thu thập được như sau: Chị Trần Thị H có quan hệ tình cảm và có con chung với anh Lê Tuấn A trong thời kỳ hôn nhân với anh Bùi Đức N. Ngày 03/10/2012, chị H sinh một con trai đặt tên là Bùi Trần Quang M. Nay, kết quả giám định ADN kết luận anh Lê Tuấn A và cháu Bùi Trần Quang M có quan hệ huyết thống cha – con, đề nghị Tòa án xác định cháu Bùi Trần Quang M là con đẻ của anh Lê Tuấn A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Tuấn A và bị đơn chị Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án xác định cháu Bùi Trần Quang M do chị H sinh ra ngày 03/10/2012 là con đẻ của anh Lê Tuấn A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đức N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn anh Lê Tuấn A, bị đơn chị Trần Thị H đã tuân thủ và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đức N không chấp hành đúng với quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 89; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Xác định cháu trai tên là Bùi Trần Quang M, sinh ngày 03/10/2012 do chị Trần Thị H sinh ra là con đẻ của anh Lê Tuấn A. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Bùi Đức N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Bùi Đức N.

- Về quan hệ tranh chấp:

[2] Anh Lê Tuấn A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cháu Bùi Trần Quang M do chị Trần Thị H sinh ra ngày 03/10/2012 là con đẻ của anh Lê Tuấn A.

[3] Do vậy, đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp xác định con cho cha thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Chị Trần Thị H và anh Lê Tuấn A có quan hệ tình cảm và chị H có thai trong thời gian chị H và anh Bùi Đức N đang là vợ chồng hợp pháp. Ngày 03/10/2012 chị H sinh một con trai tên là Bùi Trần Quang M và trong giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/10/2012 ghi tên cha là anh Bùi Đức N. Ngày 01/7/2015, chị H và anh N đã ly hôn tại Bản án số 20/2015/HNGĐ-ST ngày 01/7/2015 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[5] Tại Phiếu xét nghiệm ADN số KQ 20190619 ngày 18/11/2019, Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật Genpro kết luận: “Người có mẫu ghi tên Lê Tuấn A **CÓ** quan hệ huyết thống Cha – Con với người có mẫu ghi tên Bùi Trần Quang M”.

[6] Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về xác định con như sau: “Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình”.

[7] Tại khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình: “Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp”.

[8] Từ những phân tích nêu trên, nguyên đơn anh Lê Tuấn A yêu cầu Tòa án xác định con cho cha là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định cháu trai tên là Bùi Trần Quang M, sinh ngày 03/10/2012 (theo giấy khai sinh số 99/2016 do

Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/10/2012)
là con đẻ của anh Lê Tuấn A.

- Về án phí:

[9] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo:

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 89; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Tuấn A.

Xác định cháu trai tên là Bùi Trần Quang M, sinh ngày 03/10/2012 (theo giấy khai sinh số 99/2016 do Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/10/2012) là con đẻ của anh Lê Tuấn A.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Lê Tuấn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006862 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh Lê Tuấn A, bị đơn chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đức N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài

